

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS - ST
Ngày 06/01/2022

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hứa Đình Hiên;

2/ Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST - HS ngày 19 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Hoàng Văn D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 22 tháng 3 năm 1983 tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Đại học; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Hoàng Đình Ng và bà: Hoàng Thị Y; có vợ là Nông Thị Y, con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1- Bà Nông Thị Y; sinh năm 1988; trú tại: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2- Ông Vi Văn A; sinh năm 1982; trú tại: Tổ 1B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3- Ông Nguyễn Đăng H; sinh năm 1971; trú tại: Xã T, huyện Đ, thành phố H Nội.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4- Ông Tống Lưu Nh; sinh năm 1985; trú tại: Thôn X, xã Ô, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5- Ah Phan Quốc H; sinh năm 1987; **HKTT: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.**

Tạm trú tại: B5/16 chung cư Th, phường T, D, tỉnh Bình Dương.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ma Thế Qu – Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Văn H – Phó Trưởng phòng kế hoạch tài chính của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội Dng vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) H Bắc Kạn (sau đây viết tắt là Công ty H), mã số thuế: 47002634xx; địa chỉ trụ sở: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Đăng ký kinh doanh số: 47002634xx, cấp ngày 02/8/2016; nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Kạn. Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ..., đăng ký nộp thuế tại Chi cục thuế thành phố B (hiện nay là Chi cục thuế Khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới). Số tài khoản Công ty H: 39510000253149 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật là bà Nông Thị Y; sinh năm 1988, trú tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B - Giám đốc. Tuy nhiên mọi hoạt động của Công ty H đều do Hoàng Văn D (chồng bà Y) - Phó Giám đốc quản lý và điều hành. Hoàng Văn D đã sử dụng giấy tờ cá nhân của bà Y để làm thủ tục thành lập Công ty H. Để phục vụ hoạt động kinh doanh, Công ty H sử dụng hóa đơn đặt in, mẫu số: 01GTKT/001, ký hiệu: AA/16P, từ hóa đơn GTGT số 0000001 đến hóa đơn GTGT số 0000050. Từ khi Công ty H được thành lập đến nay bà Y không được ký vào bất kỳ giấy tờ, sổ sách, hóa đơn, hợp đồng, quyết định, giấy ủy quyền... của công ty mà đều do Hoàng Văn D tự ký giả chữ ký của bà Y vào phần Giám đốc công ty và Thủ trưởng đơn vị.

Trong thời gian quản lý, điều hành hoạt động của Công ty H năm 2017 , Hoàng Văn D đã bán trái phép 11 (mười một) số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty H cho các cá nhân để quyết toán các công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Tổng số tiền ghi trên 11 (mười một) hóa đơn là 2.698.309.484 đồng (hai tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng). Tổng số tiền thanh toán thực tế đối với 11 (mười một) hóa đơn là 2.622.312.008 đồng (hai tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, ba trăm mười hai nghìn, không trăm linh tám đồng). Tổng số tiền Hoàng Văn D đã chuyển cho các cá nhân,

đơn vị có liên quan là 2.322.359.303 đồng (hai tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm linh ba đồng). Tổng số tiền thuế GTGT Công ty H đã nộp là 31.832.830 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi đồng). Tổng số tiền Hoàng Văn D thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 11 (mười một) số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty H là **268.119.875** đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể như sau:

*** Hình vi bán trái phép hóa đơn cho Vi Văn A và Nguyễn Đăng H:**

Trong năm 2017, thông qua ông Vi Văn A, sinh năm 1982, trú tại Tổ 1B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Hoàng Văn D đã xuất bán 08 (tám) hóa đơn GTGT của Công ty H gồm hóa đơn GTGT số 0000007 (ngày 18/01/2017), số 0000008 (ngày 19/01/2017), số 0000010 (ngày 21/4/2017), số 0000011 (ngày 15/6/2017), số 0000016 (ngày 15/7/2017), số 0000023 (ngày 21/11/2017), số 0000024 (ngày 21/11/2017), số 0000028 (ngày 29/12/2017) cho ông Nguyễn Đăng H, sinh năm 1971, trú tại Xã T, huyện Đ, thành phố H Nội – là Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật và A toàn của Công ty Cổ phần Đ (CP ĐLDK) Bắc Kạn. Tổng số tiền thanh toán ghi trên 08 (tám) hóa đơn là 2.061.315.484 đồng (hai tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, ba trăm mười lăm nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng); tổng số tiền Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn thanh toán cho Công ty H là 1.985.318.008 đồng (một tỷ, chín trăm tám mươi năm triệu, ba trăm mười tám nghìn, không trăm linh tám đồng); Tổng số tiền Hoàng Văn D đã đưa cho các cá nhân là 1.729.279.502 đồng (một tỷ, bảy trăm hai mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm linh hai đồng); số tiền thuế Công ty H đã nộp là 31.832.830 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi đồng). Tổng số tiền Hoàng Văn D thu lợi bất chính từ việc bán 08 (tám) hóa đơn GTGT của Công ty H là 224.205.676 (hai trăm hai mươi tư triệu, hai trăm linh năm nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng). Nội dung cụ thể như sau:

Năm 2016, Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn có nhu cầu thi công một số hạng mục tại nhà máy thủy điện N có địa chỉ tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, tuy nhiên do điều kiện đường đi lại khó khăn nên không tìm được nhà thầu để thi công. Do đó, ông Nguyễn Đăng H, là Trưởng phòng Kinh tế kỹ thuật và A toàn của Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn (phòng Kinh tế kỹ thuật và A toàn phụ trách lĩnh vực thi công xây dựng, sửa chữa) có trao đổi với ông Vi Văn A về việc có nhu cầu mượn pháp nhân của Công ty nào đó để ký kết hợp đồng thi công với Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn, còn việc thi công thì H và A sẽ tự mua nguyên vật liệu và thuê nhân công tại địa phương để thi công. Do có mối quan hệ quen biết với Hoàng Văn D nên Vi Văn A đã trao đổi và được Hoàng Văn D đồng ý cho mượn pháp nhân của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn để ký kết hợp đồng thi công với Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn. Đồng thời cùng thống nhất khi Vi Văn A yêu cầu thì Hoàng Văn D phải xuất hóa đơn GTGT của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn có ghi nội dung theo yêu cầu của Vi Văn A và số tiền mua hóa đơn mà A phải trả cho D là 13% tổng số tiền Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn chuyển khoản thực tế cho Công ty H; số

tiền còn lại Hoàng Văn D chuyển lại cho Vi Văn A để Vi Văn A chuyển cho những người trực tiếp thi công.

Từ năm 2016 đến năm 2017, Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn, MST: 4700191357; địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn có ký kết với Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn 06 (sáu) hợp đồng, gồm:

Hợp đồng số 079/2016/ĐLDKBK-HYBK ngày 07/9/2016 về việc thi công gói thầu BDSC - 06 “Bảo dưỡng sửa chữa và nâng cấp các hạng mục nhà máy thủy điện N - giai đoạn 2”.

Hợp đồng số 0212/2016/ĐLDKBK-HYBK ngày 02/12/2016 về việc thi công xây dựng hạng mục giếng khoan sinh hoạt, nhà máy thủy điện N, tỉnh Bắc Kạn.

Hợp đồng số 2103/2017/HĐKT/ĐLDKBK-HYBK ngày 21/3/2017 về việc thi công gói thầu “Cải tạo cảnh quan nhà máy thủy điện N”.

Hợp đồng số 124/2017/HĐKT/ĐLDKBK-HYBK ngày 12/4/2017 về thi công gói thầu BT2017-03 “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N - Giai đoạn 1, năm 2017”.

Hợp đồng số 2604/2017/HĐKT/ĐLDKBK-HYBK ngày 26/4/2017 về thi công gói thầu BK07.1 “Sửa chữa cải tạo và nâng cấp đường nội bộ từ đập đầu mối đến nH máy (còn lại) - Giai đoạn 1, nH máy thủy điện N tỉnh Bắc Kạn”.

Hợp đồng số 199/2017/HĐKT-ĐLDKBK_HYBK ngày 19/9/2017 về việc thi công gói thầu “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N giai đoạn 2 năm 2017.

Đối với 06 (sáu) hợp đồng trên, Nguyễn Đăng H là người trực tiếp soạn thảo hợp đồng sau đó đưa cho Vi Văn A, rồi A đưa cho Hoàng Văn D đại diện Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn ký trước vào hợp đồng rồi đưa lại A để A chuyển lại cho H, rồi H trình ông Đỗ Xuân B – Giám đốc Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn ký.

Việc thi công công trình, mua bán hóa đơn và thanh toán tiền đối với từng hợp đồng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng số 079/2016/ĐLDKBK-HYBK ngày 07/9/2016 về việc thi công gói thầu BDSC - 06 “Bảo dưỡng sửa chữa và nâng cấp các hạng mục nhà máy thủy điện N- giai đoạn 2”.

Công ty TNHH MTV Hoàng Y Bắc Kạn không thi công công trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn. Việc thi công gói thầu BDSC - 06 “Bảo dưỡng sửa chữa và nâng cấp các hạng mục nhà máy thủy điện N- giai đoạn 2” là do Nguyễn Đăng H trực tiếp thực hiện (mua nguyên vật liệu xây dựng và thuê nhân công thi công).

Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Nguyễn Đăng H đã trao đổi và đề nghị Vi Văn A yêu cầu Hoàng Văn D cung cấp hóa đơn GTGT của Công ty H. Sau đó D đã trực tiếp viết hóa đơn GTGT số 0000007 ngày 18/01/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng kinh tế số 079/2016/ĐLDKBK-*

HYBK thi công gói thầu BDSC - 06 “Bảo dưỡng sửa chữa và nâng cấp các hạng mục NH máy thủy điện N- giai đoạn 2”; tổng tiền thanh toán: 217.583.127 đồng (hai trăm mười bảy triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng). Sau đó D đưa hóa đơn cho A, A nhận và đưa hóa đơn cho H để làm thủ tục thanh quyết toán.

Việc thanh toán tiền mua bán đối với hóa đơn GTGT số 0000007 (ngày 18/01/2017) như sau: Tổng cộng tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 217.583.127 đồng (hai trăm mười bảy triệu, năm trăm tám mươi ba nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng); Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn giữ lại 05% tiền bảo hành công trình là 10.879.156 đồng (mười triệu, tám trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm năm mươi sáu đồng); Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn là 206.703.971 đồng (hai trăm linh sáu triệu, bảy trăm linh ba nghìn, chín trăm bảy mươi một đồng); D đưa cho ông A số tiền mặt là 179.832.455 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, bốn trăm năm mươi lăm đồng), A nhận tiền rồi đưa toàn bộ cho H; Số tiền còn lại là 26.871.516 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn, năm trăm mười sáu đồng) do D giữ và đã sử dụng một phần để nộp thuế GTGT.

2. Hợp đồng số 0212/2016/ĐLDKBK-HYBK ngày 02/12/2016 về việc thi công xây dựng hạng mục giếng khoan sinh hoạt, nhà máy thủy điện N, tỉnh Bắc Kạn.

Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không thi công công trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty CPĐLDK Bắc Kạn. Việc thi công xây dựng hạng mục giếng khoan sinh hoạt, nhà máy thủy điện N, tỉnh Bắc Kạn là do Phòng Tài chính của Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn thực hiện.

Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Nguyễn Đăng H đã trao đổi và đề nghị Vi Văn A yêu cầu Hoàng Văn D cung cấp hóa đơn GTGT của Công ty H. Sau đó D đã trực tiếp viết hóa đơn GTGT số 0000008 ngày 19/01/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng số 0212/2016/ĐLDKBK-HYBK xây dựng hạng mục giếng khoan sinh hoạt, nhà máy thủy điện N, tỉnh Bắc Kạn*; tổng tiền thanh toán: 59.791.741 đồng (năm mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng). Sau đó D đưa hóa đơn cho A, A nhận và đưa hóa đơn cho H để làm thủ tục thanh quyết toán.

Việc thanh toán tiền mua bán đối với hóa đơn GTGT số 0000008 (ngày 19/01/2017) như sau: Tổng cộng tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là: 59.791.741 đồng (năm mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng); Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H số tiền 59.791.741 đồng (năm mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng); D đưa cho A số tiền mặt 52.019.000 đồng (năm mươi hai triệu, không trăm mười chín nghìn đồng), A nhận tiền rồi đưa toàn bộ cho H; Số tiền còn lại là 7.772.741 đồng (bảy triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng) do D giữ và đã sử dụng một phần để nộp thuế GTGT.

Đối với các hóa đơn GTGT số 0000007 (ngày 18/01/2017) và số 0000008 (ngày 19/01/2017) Công ty H đã kê khai và nộp thuế GTGT với tổng số tiền là 23.557.716 đồng (hai mươi ba triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, bảy trăm mười sáu đồng). Vì vậy, tổng số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT số 0000007 và số 0000008 là 11.086.541 đồng (mười một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi một đồng).

3. Hợp đồng số 2103/2017/HĐKT/ĐLĐKBK-HYBK ngày 21/3/2017 về việc thi công gói thầu “cải tạo cảnh quan nhà máy thủy điện N”.

Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không thi công công trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn. Việc thi công gói thầu “cải tạo cảnh quan nhà máy thủy điện N” do các ông Nguyễn Đăng H, Vi Văn A và Tổng Lưu Nh, sinh năm 1985, trú tại: Thôn X, xã Ô, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên thực hiện.

Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Nguyễn Đăng H đã trao đổi và đề nghị Vi Văn A yêu cầu Hoàng Văn D cung cấp hóa đơn GTGT của Công ty H. Sau đó D đã trực tiếp viết hóa đơn GTGT số 0000010 ngày 21/4/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng số 2103/2017/ĐLĐKBK-HYBK về việc thi công gói thầu “cải tạo cảnh quan nhà máy thủy điện N”*; tổng tiền thanh toán: *201.754.707 đồng (hai trăm linh một triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm linh bảy đồng)*. Sau đó D đưa hóa đơn cho A, A nhận và đưa hóa đơn cho H để làm thủ tục thanh quyết toán.

Việc thanh toán tiền mua bán đối với hóa đơn GTGT số 0000010 (ngày 21/4/2017) như sau: Tổng cộng tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 201.754.707 đồng (hai trăm linh một triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn, bảy trăm linh bảy đồng); Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn giữ lại 05% tiền bảo hành công trình là 10.087.735 đồng (mười triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng); Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H số tiền 191.666.972 đồng (một trăm chín mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng); D đưa cho ông A số tiền mặt là: 166.000.000 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu đồng), A nhận tiền rồi đưa cho H và Nh theo từng nội dung thi công. Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn đã nộp thuế GTGT số tiền 8.275.114 đồng (tám triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn, một trăm mười bốn đồng). Ngoài ra Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn chuyển khoản cho Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn số tiền 10.087.735 đồng (mười triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm ba mươi lăm đồng) nội dung là “Thanh toán tiền bảo hành HĐ số 2103/2017/HĐKT v/v thi công gói thầu cải tạo cảnh quan nhà máy thủy điện N” tuy nhiên số tiền này D đã đưa tiền mặt cho Tổng Lưu Nh. Như vậy, số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT số 0000010 là 17.391.858 đồng (mười bảy triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng).

4. Hợp đồng số 124/2017/HĐKT/ĐLĐBK-HYBK ngày 12/4/2017 về thi công gói thầu BT2017-03 “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N - Giai đoạn 1, năm 2017”.

Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không thi công công trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty CPĐLĐK Bắc Kạn. Việc thi công gói thầu BT2017-03 “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N - Giai đoạn 1, năm 2017” là do Nguyễn Đăng H trực tiếp thực hiện (mua nguyên vật liệu xây dựng và thuê nhân công thi công).

Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Nguyễn Đăng H đã trao đổi và đề nghị Vi Văn A yêu cầu Hoàng Văn D cung cấp hóa đơn GTGT của Công ty H. Sau đó D đã trực tiếp viết 02 (hai) hóa đơn GTGT gồm hóa đơn số 0000011 ngày 15/6/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng số 124/2017/HĐKT/ĐLĐBK-HYBK ngày 12/4/2017 giữa cty CP Điện lực dầu khí BK và cty TNHH MTV H Bắc Kạn về việc thi công gói thầu BT2017-03 “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N - Giai đoạn 1, năm 2017”*; tổng tiền thanh toán: 309.801.203 đồng (ba trăm linh chín triệu, tám trăm linh một nghìn, hai trăm linh ba đồng) và hóa đơn số 0000023 ngày 21/11/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng số 124/2017/HĐKT/ĐLĐBK-HYBK ngày 12/4/2017 giữa cty CP Điện lực dầu khí BK và cty TNHH MTV HoàngYBắc Kạn về việc thi công gói thầu BT2017-03 “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N - Giai đoạn 1, năm 2017”*; tổng tiền thanh toán: 150.018.323 đồng (một trăm năm mươi triệu, không trăm mười tám nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng). Sau đó D đưa hóa đơn cho A, A nhận và đưa hóa đơn cho H để làm thủ tục thanh quyết toán.

Việc thanh toán tiền mua bán đối với hóa đơn GTGT số 0000011 (ngày 15/6/2017) như sau: Tổng tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là: 309.801.203 đồng (ba trăm linh chín triệu, tám trăm linh một nghìn, hai trăm linh ba đồng); Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn giữ lại 10% tiền bảo hành công trình là 30.980.120 đồng (ba mươi triệu, chín trăm tám mươi nghìn, một trăm hai mươi đồng); Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H số tiền 278.821.083 đồng (hai trăm bảy mươi tám triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, không trăm tám mươi ba đồng). D đưa cho ông A số tiền mặt là 242.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu đồng), A nhận tiền rồi đưa toàn bộ cho H. Như vậy, số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT số 0000011 là 36.821.083 đồng (ba mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, không trăm tám mươi ba đồng).

Việc thanh toán tiền mua bán đối với hóa đơn GTGT 0000023 (ngày 21/11/2017) như sau: Tổng số tiền thanh toán ghi trên hóa đơn là 150.018.323 đồng (một trăm năm mươi triệu, không trăm mười tám nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng); Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn chuyển khoản vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn số tiền 149.007.467 đồng (một trăm bốn mươi chín triệu, không trăm linh bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng); D đưa cho ông A số tiền mặt là 129.000.000 đồng (một trăm hai mươi chín triệu đồng), A nhận tiền rồi đưa

toàn bộ cho H. Ngoài ra, Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn có chuyển khoản cho Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn số tiền 22.990.976 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm chín mươi nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng) nội dung là “Thanh toán tiền bảo hành theo HĐ số 124/2017/HĐKT v/v sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng nhà máy thủy điện N”, tuy nhiên số tiền này D đã đưa tiền mặt cho ông Nh. Như vậy, số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT số 0000023 là 20.007.467 đồng (hai mươi triệu, không trăm linh bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

5. Hợp đồng số 2604/2017/HĐKT/ĐLDKKBK-HYBK ngày 26/4/2017 về thi công gói thầu BK07.1 “Sửa chữa cải tạo và nâng cấp đường nội bộ từ đập đầu mối đến nhà máy (còn lại) - Giai đoạn 1, nhà máy thủy điện N tỉnh Bắc Kạn”.

Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không thi công công trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn. Việc thi công gói thầu BK07.1 “Sửa chữa cải tạo và nâng cấp đường nội bộ từ đập đầu mối đến nhà máy (còn lại) - Giai đoạn 1, nhà máy thủy điện N tỉnh Bắc Kạn” do Vi Văn A và Tổng Lưu Nh thực hiện.

Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Vi Văn A yêu cầu Hoàng Văn D cung cấp hóa đơn GTGT của Công ty H. Tuy nhiên thời điểm đó D không có ở nhà nên A đã đến nhà D lấy hóa đơn đã được D ký và đóng dấu sẵn người bán hàng rồi A trực tiếp viết hóa đơn GTGT số 0000016 ngày 15/7/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng kinh tế số 2604/2017/HĐKT/ĐLDKKBK-HYBK ngày 26/4/2017 thi công gói thầu BK07.1 “Sửa chữa cải tạo và nâng cấp đường nội bộ từ đập đầu mối đến nhà máy (còn lại) - Giai đoạn 1, nhà máy thủy điện N tỉnh Bắc Kạn”*; tổng tiền thanh toán: 674.796.612 đồng (*sáu trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, sáu trăm mười hai đồng*). Đối với hóa đơn GTGT số 0000024 ngày 22/11/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng số 2604/2017/HĐKT/ĐLDKKBK-HYBK ngày 26/4/2017 giữa công ty cổ phần Điện lực dầu khí Bắc Kạn và công ty TNHH MTV H Bắc Kạn về thi công gói thầu BK07.1 “Sửa chữa cải tạo và nâng cấp đường nội bộ từ đập đầu mối đến nhà máy (còn lại) - Giai đoạn 1, nhà máy thủy điện N tỉnh Bắc Kạn”*; tổng tiền thanh toán: 159.261.871 đồng (*một trăm năm mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi một đồng*) do D trực tiếp viết, sau đó D đưa hóa đơn cho A, A nhận và đưa hóa đơn cho H để làm thủ tục thanh quyết toán.

Việc thanh toán tiền mua bán đối với hóa đơn GTGT số 0000016 ngày 15/7/2017 và hóa đơn GTGT số 0000024 (ngày 21/11/2017) như sau: Tổng số tiền thanh toán ghi trên 02 (hai) hóa đơn là 834.058.483 đồng (tám trăm ba mươi tư triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm tám mươi ba đồng); Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn giữ lại 05% tiền bảo hành công trình là 41.702.924 đồng (bốn mươi một triệu, bảy trăm linh hai nghìn, chín trăm hai mươi tư đồng); Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn chuyển tiền 03 lần từ tài khoản của Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn tổng số tiền là 792.355.558 đồng (bảy trăm chín mươi hai triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, năm trăm năm

mười tám đồng); D đưa cho ông A số tiền mặt là 689.349.336 đồng (sáu trăm tám mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng).

Như vậy, số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT số 0000016 và hóa đơn GTGT số 0000024 là 103.006.222 đồng (một trăm linh ba triệu, không trăm linh sáu nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng).

6. Hợp đồng số 199/2017/HĐKT-ĐLĐKBK_HYBK ngày 19/9/2017 về việc thi công gói thầu “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N giai đoạn 2 năm 2017.

Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không thi công công trình theo nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn. Việc thi công gói thầu “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N giai đoạn 2 năm 2017 là do Nguyễn Đăng H trực tiếp thực hiện (mua nguyên vật liệu xây dựng và thuê nhân công thi công).

Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Nguyễn Đăng H đã trao đổi và đề nghị Vi Văn A yêu cầu Hoàng Văn D cung cấp hóa đơn GTGT của Công ty H. Sau đó D đã trực tiếp viết hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 29/12/2017 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *Hợp đồng kinh tế số 199/2017/HĐKT-ĐLĐKBK_HYBK ngày 19/9/2017 về việc thi công gói thầu “Sửa chữa và nâng cấp các hạng mục xây dựng” nhà máy thủy điện N giai đoạn 2 năm 2017*; tổng tiền thanh toán: 288.307.900 đồng (*hai trăm tám mươi tám triệu, ba trăm linh bảy nghìn, chín trăm đồng*). Sau đó D đưa hóa đơn cho A, A nhận và đưa hóa đơn cho H để làm thủ tục thanh quyết toán.

Việc thanh toán tiền mua bán đối với hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 29/12/2017 như sau: Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 288.307.900 đồng (hai trăm tám mươi tám triệu, ba trăm linh bảy nghìn, chín trăm đồng); Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn giữ lại 05% tiền bảo hành công trình là 14.415.395 đồng (mười bốn triệu, bốn trăm mười lăm nghìn, ba trăm chín mươi lăm đồng); Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn chuyển khoản vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn số tiền 273.892.505 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm linh năm đồng); D đưa cho ông A số tiền mặt là 238.000.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu đồng), A nhận tiền rồi đưa toàn bộ cho H. Như vậy, số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 29/12/2017 là 35.892.505 đồng (ba mươi lăm triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, năm trăm linh năm đồng).

Đối với hợp đồng nêu trên, Công ty CP ĐLĐK Bắc Kạn áp dụng đơn vị tính và mã công việc sai dẫn đến việc lập dự toán và quyết toán sai nên Nguyễn Đăng H cùng với Vi Văn A và Hoàng Văn D đã thống nhất D sẽ cung cấp hóa đơn GTGT của Công ty H để điều chỉnh giảm giá trị quyết toán cho hóa đơn GTGT số 0000028 ngày 29/12/2017. Sau đó D đã trực tiếp viết hóa đơn GTGT số 0000044 ngày 16/4/2018 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *điều chỉnh giảm giá trị quyết toán cho hóa đơn số 0000028 kí hiệu AA/16P ngày 29/12/2017 của HĐKT số 199/2017/HĐKT-ĐLĐKBK_HYBK ngày 19/9/2017 về việc thi công*

sửa chữa và nâng cấp các hạng mục công trình xây dựng giai đoạn 2/2017 thủy điện N tỉnh Bắc Kạn; tổng tiền thanh toán: 98.613.800 đồng (chín mươi tám triệu, sáu trăm mười ba nghìn, tám trăm đồng). Sau đó D đưa hóa đơn cho A, A nhận và đưa hóa đơn cho H. Ngày 24/4/2018, H gặp D và đưa cho D số tiền mặt 84.200.000 đồng (tám mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng) để D gửi số tiền này vào tài khoản của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn rồi D chuyển lại số tiền này vào tài khoản của Công ty CP ĐLTK Bắc Kạn. Đối với việc cung cấp hóa đơn GTGT số 0000044 D không thu lợi bất chính.

*** Hành vi bán trái phép hóa đơn cho Phan Quốc H:**

Trong năm 2017, 2018 Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn có ký 16 (mười sáu) hợp đồng thi công, thẩm tra thiết kế, tư vấn giám sát thi công với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B. Quá trình ký hợp đồng, đại diện Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B và Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không trực tiếp gặp mặt ký kết mà thông qua Phan Quốc H, sinh năm 1987, nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Nơi ở hiện nay: B5/16 chung cư Th, phường T, D, tỉnh Bình Dương – là Nhân viên hợp đồng của Phòng Tài chính kế hoạch Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B. Sau khi H soạn thảo hợp đồng thì chuyển cho ông Lương Văn H - Phó Phòng Kế hoạch Tài chính của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B kiểm tra rồi chuyển lại cho Hoàng Văn D (Đại diện Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn) kiểm tra và ký. Sau đó H chuyển lại cho ông H ký nháy vào hợp đồng và trình cho ông Ma Thế Qu - Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B ký hoàn thiện hợp đồng.

Do có mối quan hệ quen biết với Hoàng Văn D nên Phan Quốc H và Hoàng Văn D đã trao đổi và thống nhất về việc Phan Quốc H sẽ trực tiếp mua nguyên vật liệu và thuê nhân công để thi công 03 (ba) công trình mà Công ty H đã ký Hợp đồng thi công xây dựng với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bắc Kạn gồm: Gói thầu thi công xây lắp công trình trường PTDTBT THCS C, Pác Nặm: Hạng mục sửa chữa, nâng cấp nhà ở học sinh, nhà ăn, nhà bếp (Hợp đồng số 07/HĐXD ngày 14/7/2017); Gói thầu thi công xây lắp công trình trường PTDTBT Tiểu học C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn: Hạng mục cải tạo nhà kho, sửa chữa nhà KTX, cải tạo phòng học thành nhà ăn (Hợp đồng số 08/HĐXD ngày 14/7/2017); Gói thầu thi công công trình trường THPT Y, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn: Hạng mục nhà bếp, nhà ăn học sinh (Hợp đồng số 11/HĐXD ngày 08/8/2017). Đồng thời cùng thống nhất khi Phan Quốc H yêu cầu thì Hoàng Văn D phải xuất hóa đơn GTGT của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn có ghi nội dung theo yêu cầu của Phan Quốc H và số tiền Phan Quốc H phải trả cho Hoàng Văn D là 13% tổng số tiền Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B thanh toán tiền thi công của 03 (ba) công trình trên cho Công ty H; số tiền còn lại Hoàng Văn D chuyển lại cho Phan Quốc H để thanh toán các khoản tiền phục vụ thi công.

Theo như nội dung đã thỏa thuận, để thực hiện việc thanh quyết toán tiền thi công của 03 (ba) công trình nói trên thì H đề nghị và được D viết 03 (ba) hóa đơn GTGT gồm hóa đơn số 0000017 (ngày 04/10/2017), số 0000018 (ngày 04/10/2017), số 0000019 (ngày 08/11/2017) của Công ty H, nội dung ghi trên hóa đơn là do D ghi theo yêu cầu của H với tổng số tiền ghi trên hóa đơn là

636.994.000 đồng (sáu trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn đồng). Sau khi viết xong hóa đơn thì D gấp và đưa trực tiếp cho H. Thực tế việc thanh toán tiền mua bán hóa đơn giữa Hoàng Văn D và Phan Quốc H như sau:

Tổng số tiền Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B chuyển khoản đến số tài khoản 39510000253149 của Công ty H tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Bắc Kạn để tạm ứng và thanh toán kinh phí xây dựng đối với 03 (ba) công trình nói trên là 636.994.000 đồng (sáu trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm chín mươi tư nghìn đồng). Sau khi nhận được tiền trong tài khoản, D rút ra và đưa trực tiếp tiền mặt cho H, đồng thời chuyển tiền qua tài khoản theo yêu cầu của H cho một số công ty để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu với tổng số tiền 593.079.801 đồng (năm trăm chín mươi ba triệu, không trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm linh một đồng), số tiền còn lại D được hưởng lợi, cụ thể: Ngày 17/10/2017, D đưa cho H 152.400.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng); ngày 31/10/2017, D đưa cho H 57.960.000 đồng (năm mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng); ngày 28/12/2017, D đưa cho H 314.300.000 đồng (ba trăm mười bốn triệu, ba trăm nghìn đồng); ngày 31/10/2017, D chuyển khoản số tiền 42.084.801 đồng (bốn mươi hai triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, tám trăm linh một đồng) để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu cho Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại 5-10 và chuyển khoản số tiền 26.335.000 đồng (hai mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) để thanh toán cho Công ty M - Ba Bể. Như vậy, tổng số tiền D thu lợi bất chính từ việc bán các hóa đơn GTGT số 0000017, số 0000018 và số 0000019 cho Phan Quốc H là 43.914.199 đồng (bốn mươi ba triệu, chín trăm mười bốn nghìn, một trăm chín mươi chín đồng).

Đối với 13 (mười ba) hợp đồng thẩm tra, tư vấn, giám sát thi công còn lại thì Công ty H trực tiếp thực hiện và xuất 13 (mười ba) hóa đơn GTGT bị cưỡng chế cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B gồm: hóa đơn GTGT số 0000030 (ngày 29/12/2017); số 0000031 (ngày 29/12/2017); số 0000032 (ngày 29/12/2017); số 0000033 (ngày 29/12/2017); số 0000034 (ngày 01/01/2018); 0000035 (ngày 02/01/2018); số 0000036 (ngày 03/01/2018); số 0000037 (ngày 04/01/2018); số 0000038 (ngày 05/01/2018); 0000039 (ngày 06/01/2018); số 0000040 (ngày 07/01/2018); số 0000041 (ngày 08/01/2018); số 0000042 (ngày 09/01/2018). Trước khi nhận 16 (mười sáu) hóa đơn GTGT của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn thì Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B không biết 16 (mười sáu) hóa đơn GTGT trên đã bị Cơ quan thuế ra quyết định áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B chỉ được biết Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để lập và giao cho khách hàng sau khi làm việc với Cục thuế tỉnh Bắc Kạn ngày 20/9/2018 theo Giấy mời số 1604/GM-CT ngày 17/9/2018. Số tiền 704.202.097 đồng (bảy trăm linh tư triệu hai trăm linh hai nghìn không trăm chín mươi bảy đồng) Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn đối với các hóa đơn nói trên được sử dụng từ nguồn Ngân sách nhà nước và đã thực hiện xong thủ tục quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2018.

Ngày 14/5/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Kạn theo Quyết định trưng cầu giám định số 46 đối với chữ ký tại phần Giám đốc và thủ trưởng đơn vị của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn trong các hóa đơn, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn.

Tại bản kết luận giám định số 18/KTHS-GĐTL ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: *Chữ ký đứng tên Giám đốc Nông Thị Y trong các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A146) với chữ ký tại mục “1. Mẫu chữ ký” trong Biên bản lấy mẫu chữ ký, chữ viết của Hoàng Văn D ghi ngày 07/4/2021 (ký hiệu M5) là do cùng một người ký ra.*

* Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra tạm giữ và bảo quản tại Kho vật chứng Công an thành phố B đối với: 01 (một) dấu tròn của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn và 01 (một) dấu tên “Giám đốc – Nông Thị Y”.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra đã thu thập, tạm giữ và lưu cùng hồ sơ vụ án toàn bộ 11 (mười một) hóa đơn GTGT mà Hoàng Văn D đã bán trái phép cho Vi Văn A, Nguyễn Đăng Ha và Phan Quốc H cùng toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan (Có bản thông kê vật chứng kèm theo).

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Hoàng Văn D đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi bán trái phép 11 (mười một) số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty H cho Vi Văn A, Nguyễn Đăng H và Phan Quốc H như đã nêu trên Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố là thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 67/CT – VKSTPBK, ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Hoàng Văn D về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo điểm đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...;

đ) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên;

...;

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

-Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Văn D từ 200.000.000 đồng đến 220.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chuyển cho Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bắc Kạn xử lý theo quy định đối với 01 (một) dấu tròn của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn.

Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) dấu tên “Giám đốc – Nông Thị Y”.

Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 268.119.875 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

Tạm giữ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi Hình án dân sự thành phố B để thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Hoàng Văn D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Bị cáo chỉ xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức phạt tiền thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

* **Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** – Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B có mặt tại phiên tòa có lời khai: Trong năm 2017, 2018 Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B và Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn có ký 16 (mười sáu) hợp đồng thi công, thẩm tra thiết kế, tư vấn giám sát thi công. Quá trình ký hợp đồng, đại diện Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B và Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không trực tiếp gặp mặt ký kết mà thông qua Phan Quốc H, sinh năm 1987, nơi đăng ký HKTT: Tổ 4, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn – là Nhân

viên hợp đồng của Phòng Tài chính kế hoạch Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B. Do sơ suất, không kiểm tra khi ký kết hợp đồng và thi công công trình nên không biết việc Phan Quốc H đã mượn pháp nhân của Công ty H ký hợp đồng rồi tự mua nguyên vật liệu, thuê nhân công thi công đối với 03 công trình là: Gói thầu thi công xây lắp công trình trường PTDTBT THCS C, huyện P: Hạng mục sửa chữa, nâng cấp nhà ở học sinh, nhà ăn, nhà bếp (Hợp đồng số 07/HĐXD ngày 14/7/2017); Gói thầu thi công xây lắp công trình trường PTDTBT Tiểu học C, huyện P, tỉnh Bắc Kạn: Hạng mục cải tạo nhà kho, sửa chữa nhà KTX, cải tạo phòng học thành nhà ăn (Hợp đồng số 08/HĐXD ngày 14/7/2017); Gói thầu thi công công trình trường THPT Y, huyện Ch, tỉnh Bắc Kạn: Hạng mục nhà bếp, nhà ăn học sinh (Hợp đồng số 11/HĐXD ngày 08/8/2017). Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn đã sử dụng 16 hóa đơn hóa đơn GTGT đã bị cưỡng chế để lập và giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B. Tuy nhiên, trước khi nhận 16 hóa đơn GTGT của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn thì Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B không biết 16 (mười sáu) hóa đơn GTGT trên đã bị Cơ quan thuế ra quyết định áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng. Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B chỉ được biết Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để lập và giao cho khách hàng sau khi làm việc với Cục thuế tỉnh Bắc Kạn ngày 20/9/2018. Số tiền 704.202.097 đồng (bảy trăm linh tư triệu hai trăm linh hai nghìn không trăm chín mươi bảy đồng) Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B đã thanh toán cho Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn đối với các hóa đơn nói trên được sử dụng từ nguồn Ngân sách nhà nước và đã thực hiện xong thủ tục quyết toán Ngân sách nhà nước năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ qu an tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợppháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2017, trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn, Hoàng Văn D đã có hành vi bán trái phép 11 (mười một) số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn nhưng không có Hng hóa, dịch vụ kèm theo cho Vi Văn A, Nguyễn Đăng H và Phan Quốc H để những người này thực hiện việc thanh quyết toán một

số công trình trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn do Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B và Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Bắc Kạn làm chủ đầu tư. Tổng số tiền ghi trên 11 (mười một) hóa đơn là 2.698.309.484 đồng (hai tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu, ba trăm linh chín nghìn, bốn trăm tám mươi tư đồng). Tổng số tiền thanh toán thực tế đối với 11 (mười một) hóa đơn là 2.622.312.008 đồng (hai tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, ba trăm mười hai nghìn, không trăm linh tám đồng). Tổng số tiền Hoàng Văn D đã chuyển cho các cá nhân, đơn vị có liên quan là 2.322.359.303 đồng (hai tỷ, ba trăm hai mươi hai triệu, ba trăm năm mươi chín nghìn, ba trăm linh ba đồng). Tổng số tiền thuế Công ty H đã nộp là 31.832.830 đồng (ba mươi một triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn, tám trăm ba mươi đồng). Tổng số tiền Hoàng Văn D thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 11 (mười một) số hóa đơn GTGT đã ghi nội Dung của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn là **268.119.875** đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì vụ lợi cá nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của bị cáo Hoàng Văn D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì *“Các điều khoản của Bộ luật Hình sự năm 2015... quy định hình phạt nhẹ hơn,... và các quy định khác có lợi cho người phạm tội thì được áp dụng đối với cả những hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 mà sau thời điểm đó mới bị phát hiện, đang bị điều tra, truy tố, xét xử”*. Qua đối chiếu thấy Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tại khoản 2 có quy định thêm hình phạt tiền và tại khoản 3 quy định mức hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng là có lợi hơn cho người phạm tội so với quy định tại Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), vì theo Điều 164a Bộ luật Hình sự năm 1999 tại khoản 2 không quy định hình phạt chính có hình phạt tiền và tại khoản 3 quy định mức hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng. Do vậy, theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì cần áp dụng Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 để truy tố, xét xử đối với bị cáo. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm chế độ quản lý hóa đơn, chứng từ của nhà nước, xâm phạm đến hoạt động quản lý, thu chi ngân sách nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế, an ninh trật tự tại địa phương nên cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bán trái phép 11 (mười một) hóa đơn GTGT, trong đó có nhiều hóa đơn có số tiền thu lợi bất chính trên 30.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ Hình vi phạm tội của mình và có thái độ ăn năn hối cải do vậy được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có ông ngoại là ông Hoàng Đình T là liệt sĩ chống Mỹ cứu nước; trong giai đoạn truy tố, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) vào Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B để nộp lại một phần số tiền thu lợi bất chính thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Xét thấy đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các bị cáo đều có mục đích vụ lợi. Do vậy hiện nay chính sách pháp luật của nhà nước có xu hướng tăng cường hình phạt tiền để nhằm thu hồi lại khoản tiền mà các bị cáo đã gây thất thoát cho nhà nước. Cụ thể, tại khoản 1 và khoản 2 của Điều 203 Bộ luật hình sự về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” đều có quy định phạt tiền là hình phạt chính. Mặt khác, trong vụ án này, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đủ khả năng tự cải tạo, sau khi phạm tội bị cáo đã có ý thức khắc phục hậu quả bằng cách nộp lại số tiền thu lợi bất chính cho nhà nước. Do đó không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt tiền cũng đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội tự sửa chữa sai phạm của mình và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Giao cho Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bắc Kạn xử lý theo quy định đối với 01 (một) dấu tròn của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) dấu tên “**Giám đốc – Nông Thị Y**”.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 268.119.875 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B để thi hành án cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Đối với việc ngày 22/9/2017, UBND phường Ph và Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng H ký kết Hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình số 12/HĐTVGS về việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình sửa chữa Trường tiểu học Ph, thành phố B. Ông Hà Việt C, sinh năm 1988, trú tại tổ 3, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn – Phó giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng H là người trực tiếp thực hiện việc giám sát thi công. Ngày 22/9/2017, UBND phường Ph và Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 06/2017/HĐXD về việc thi công công trình sửa chữa Trường Tiểu học Ph, thành phố B. Quá trình ký hợp đồng đại diện UBND phường Ph và Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn không trực tiếp gặp mặt ký kết mà thông qua Hà Việt C. Khi được C đưa Hợp đồng thi công xây dựng công trình thì D kiểm tra và ký vào phần đại diện đơn vị thi công (Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn) rồi đưa lại cho C. Sau đó Cường đưa đến UBND phường Ph để ông Lê Đăng H - Chủ tịch UBND phường là người ký vào phần đại diện chủ đầu tư.

Ngày 31/01/2018, UBND phường Ph đã thanh toán số tiền 362.214.000 đồng (ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng) bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản số 39510000253149 của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn. Ngày 02/02/2018, D đến ngân hàng nộp tiền mặt để chuyển khoản số tiền 315.000.000 đồng (ba trăm mười lăm triệu đồng) vào số tài khoản 39510000170877 của Hà Việt C tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Bắc Kạn với nội dung chuyển khoản là: *“trả tiền công trình”*. Số tiền còn lại là 47.214.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, hai trăm mười bốn nghìn đồng) do D giữ. Để thực hiện thủ tục thanh quyết toán, Hoàng Văn D đã trực tiếp viết hóa đơn GTGT số 0000047 ngày 22/6/2018 của Công ty H với nội dung: Tên hàng hóa, dịch vụ: *“thi công xây dựng công trình sửa chữa Trường Tiểu học Ph, thành phố B”*. Sau đó D đưa hóa đơn cho C, C nhận và đưa hóa đơn cho bà Hà Thị Nh - kế toán của UBND phường Ph để làm thủ tục thanh quyết toán. Tại cơ quan điều tra điều tra, ông Lê Đăng H – Chủ tịch UBND phường Ph là đại diện chủ đầu tư và ông Vũ Đình H – cán bộ địa chính xây dựng được giao nhiệm vụ giám sát việc thi công công trình này: Quá trình thương thảo hợp đồng, ký kết hợp đồng và thi công công trình thì ông Lê Đăng H và ông Vũ Đình H không được làm việc với Hoàng Văn D hay cán bộ của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn mà chỉ được làm việc với Hà Việt C; còn Hà Việt C khai việc thi công công trình sửa chữa Trường Tiểu học Ph, thành phố B do Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn thực hiện, việc C đưa hợp đồng, hóa đơn và các tài liệu khác cho chủ đầu tư, gọi mua một số nguyên vật liệu, nhận số tiền 315.000.000 đồng của D rồi thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, tiền nhân công là do D nhờ. Trong quá trình điều tra ban đầu Hoàng Văn D khai Công ty H không thi công công trình sửa chữa Trường Tiểu học Ph mà chỉ được cung cấp hóa đơn GTGT số 0000047 ngày 22/6/2018 của Công ty H cho Hà Việt C. Sau đó Hoàng Văn D đã thay đổi lời khai với nội dung: *do nhớ nhầm nên tại các biên bản ghi lời khai, bản tự khai và biên bản hỏi cung bị can trước đây D khai Công ty H không thi công công trình sửa chữa Trường Tiểu học Ph, thành phố B mà việc thi công công trình*

là do Hà Việt C liên hệ mua nguyên vật liệu, trực tiếp thuê nhân công để thi công là không đúng. Đối với công trình sửa chữa Trường Tiểu học Ph, thành phố B do Công ty H thi công, tuy nhiên thi công những hạng mục gì thì D không nhớ mà chỉ nhớ để thi công công trình D liên hệ mua nguyên vật liệu nhưng không có hóa đơn và cũng không nhớ số lượng, không nhớ đã thuê cá nhân, đơn vị nào thi công công trình này nên Cơ quan điều tra không tiến hành xác minh được. Đối với các tài liệu liên quan đến việc thi công công trình sửa chữa Trường Tiểu học Ph, thành phố B đều thể hiện chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân phường Ph, đơn vị thi công là Công ty TNHH một thành viên H Bắc Kạn.

Với những tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập được, xét thấy không đủ căn cứ để kết luận Công ty H không thực hiện việc thi công trình sửa chữa Trường Tiểu học phường Ph, thành phố B mà chỉ bán hóa đơn GTGT số 0000047 ngày 22/6/2018 cho Hà Việt C để thu lợi bất chính số tiền 47.214.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Văn D trong vụ việc nói trên là phù hợp.

Ngoài ra, trong năm 2018 Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn còn viết 01 (một) hóa đơn GTGT số 0000046 ngày 21/6/2018 có nội dung: “Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn, MST: 4700263467; địa chỉ: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B; Họ tên người mua hàng/Tên đơn vị: UBND phường H, TP Bắc Kạn; Tên hàng hóa, dịch vụ: Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC - DT xây dựng công trình: Sửa chữa, cải tạo các hạng mục của UBND phường H, thành phố B; tổng cộng tiền thanh toán: 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn đồng)”. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định UBND phường H không được làm việc, ký kết hợp đồng, tài liệu, không được nhận và cũng không sử dụng hóa đơn GTGT số 0000046 ngày 21/6/2018 của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn để thanh quyết toán nên không đủ căn cứ để xử lý.

Ngoài việc bán trái phép 11 (mười một) số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung như nêu trên thì trong năm 2017 và năm 2018 Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn còn sử dụng 24 (hai mươi tư) hóa đơn GTGT đã bị cưỡng chế để lập và giao cho 11 (mười một) đơn vị gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B (13 hóa đơn); Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn (02 hóa đơn); Trung tâm y tế huyện P; Báo Bắc Kạn; Sở văn hóa thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn; Trung tâm y tế huyện Ch; Trường Trung học phổ thông chuyên Bắc Kạn; Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Quản lý khai thác công trình thủy lợi Bắc Kạn; Ủy ban nhân dân xã T (nay là Ủy ban nhân dân xã T), huyện B, tỉnh Bắc Kạn; Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bắc Kạn và Ủy ban nhân dân phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (mỗi đơn vị 01 hóa đơn). Quá trình điều tra xác định đối với các hợp đồng thẩm tra, tư vấn, giám sát ký kết với các đơn vị nêu trên thì Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn trực tiếp thực hiện và không thu lợi bất chính từ việc lập và giao hóa đơn đã bị cưỡng chế cho khách hàng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với các đơn vị sử dụng hóa đơn bất hợp pháp thì cơ quan Thuế đã ra văn bản đề nghị xử lý. Tuy nhiên căn cứ Điều 1 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi bổ sung một số điều tại Khoản 1 Điều 1

Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ thì không xử phạt vi phạm hành chính đối với các đơn vị hành chính; đối với các đơn vị là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thì đã quá thời hiệu xử phạt theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013.

Đối với các đơn vị gồm Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B, Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn là chủ đầu tư nhưng không kiểm tra khi ký kết hợp đồng và thi công công trình nên Phan Quốc H, Vi Văn A và Nguyễn Đăng H đã mượn pháp nhân của Công ty H ký hợp đồng rồi tự mua nguyên vật liệu, thuê nhân công thi công công trình là vi phạm quy định trong lĩnh vực xây dựng. Tuy nhiên hành vi vi phạm xảy ra từ năm 2016, 2017, 2018 đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Hiện Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn đã giải thể do vậy Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

Đối với toàn bộ hóa đơn GTGT của Công ty H đã xuất ra thì Hoàng Văn D đã tiến hành tự kê khai và nộp báo cáo qua mạng (ứng dụng kê khai thuế của người nộp thuế iHTKK) báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn vì vậy không có dấu hiệu của tội trốn thuế.

Đối với bà Nông Thị Y, sinh năm 1988, trú tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn, tuy nhiên mọi hoạt động của Công ty H đều do Hoàng Văn D quản lý và điều hành. Nông Thị Y không được tham gia quản lý, điều hành, không ký bất kỳ tài liệu gì liên quan đến Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn và không biết việc Hoàng Văn D bán trái phép hóa đơn nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nông Thị Y.

Đối với Phan Quốc H, Vi Văn A, Nguyễn Đăng H – là những người đã mua trái phép hóa đơn GTGT của Công ty H với Hoàng Văn D để thanh quyết toán tiền thi công công trình với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B, Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn. Tuy nhiên các cá nhân nêu trên đều mua của Hoàng Văn D dưới 10 (mười) số hóa đơn đã ghi nội dung, đồng thời không có căn cứ xác định Phan Quốc H, Vi Văn A, Nguyễn Đăng H có thu lợi bất chính từ việc mua hóa đơn của Hoàng Văn D hay không. Vì vậy, không có căn cứ xử lý đối với Phan Quốc H, Vi Văn A và Nguyễn Đăng H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Việc Phan Quốc H, Vi Văn A và Nguyễn Đăng H mua hóa đơn GTGT của Công ty H với Hoàng Văn D để thanh quyết toán tiền thi công công trình với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B, Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn và việc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh B, Công ty CP ĐLDK Bắc Kạn sử dụng các hóa đơn đã bị cưỡng chế để thanh quyết toán công trình là hành vi sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Tuy nhiên hành vi vi phạm xảy ra từ năm 2017, 2018 đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Ngày 14/8/2018, Chi cục thuế thành phố B (nay là Chi cục thuế Khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới) lập biên bản vi phạm hành chính về hóa đơn đối với Công ty H về hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn (đã sử dụng hóa đơn không còn giá trị sử dụng để bán hàng hóa). Ngày 24/8/2018, Chi cục thuế thành

phố B (nay là Chi cục thuế Khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới) ra Quyết định xử phạt vi phạm chính về hóa đơn số 1719/QĐ-CCT, số tiền phạt là 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng), đến nay Công ty H chưa chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm chính nêu trên.

Căn cứ biên bản vi phạm hành chính về hóa đơn số 01/BB-VPHC ngày 14/8/2018 thì Chi cục thuế thành phố B xác định Công ty H đã sử dụng 32 (ba mươi hai) hóa đơn không còn giá trị sử dụng để bán hàng hóa. Tuy nhiên căn cứ kết quả điều tra vụ án xác định trong 32 (ba mươi hai) hóa đơn này thì Hoàng Văn D đã bán trái phép 06 (sáu) số hóa đơn; **sử dụng 24 (hai mươi tư) hóa đơn không còn giá trị sử dụng để bán hàng hóa**; 01 (một) hóa đơn (số 0000046) thể hiện nội dung đơn vị mua hàng: “UBND phường H” tuy nhiên qua xác minh UBND phường H không sử dụng hóa đơn này; 01 (một) hóa đơn (số 0000044) không có hàng hóa kèm theo, **tuy nhiên quá trình điều tra xác định Hoàng Văn D không có việc thu lợi bất chính từ việc xuất 24 (hai mươi tư) hóa đơn này**. Hành vi bán trái phép 06 (sáu) số hóa đơn GTGT nêu trên của Hoàng Văn D đã bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố B khởi tố bị can theo quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự. Đối với nội dung này Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã có Công văn số 464/CSĐT ngày 27/9/2021 về việc trao đổi giải quyết vụ việc kèm theo các tài liệu có liên quan gửi Chi cục thuế khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới để xem xét xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn D phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạt tiền bị cáo Hoàng Văn D 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để nộp Ngân sách nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chuyển cho Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Bắc Kạn xử lý theo quy định đối với 01 (một) dấu tròn của Công ty TNHH MTV H Bắc Kạn.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn D 01 (một) dấu tên “Giám đốc – Nông Thị Y”.

- Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 268.119.875 đồng (hai trăm sáu mươi tám triệu, một trăm mười chín nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số 0002002, ngày 15/11/2021 để thi hành án cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh;
- VKSNDTP Bắc Kạn;
- Công A TP Bắc Kạn;
- THADS TP Bắc Kạn;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

